

Số: /TB-CCTT&BVTV

Vinh Phúc, ngày tháng 9 năm 2021

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY
(Từ ngày 01/9 đến ngày 07/9/2021)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tuần trời nắng nóng, có lúc có mưa rào. Lượng mưa đo được tại Vinh Yên 20 mm (thấp hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 29,1⁰C (thấp hơn CKNT), cao nhất 33⁰C, thấp nhất 25⁰C.

Âm độ trung bình 75 - 95% (cao hơn CKNT).

Số giờ nắng đạt 70 - 75 giờ (cao hơn CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Diện tích gieo trồng vụ mùa 2021 là: 31.437,3 ha, trong đó:

- Lúa mùa: 23.890,2 ha (chắc xanh - chín - thu hoạch).

- Ngô: 1.655,4 ha (thu hoạch).

- Đậu tương: 146,1 ha (quả chắc - thu hoạch).

- Lạc: 478,7 ha (củ chắc).

- Khoai lang: 185,3 ha (củ).

- Rau: 2.455,3 ha (các giai đoạn).

- Cây khác: 3.156,1 ha (các giai đoạn).

Thời tiết trong tuần trời nắng nóng, có lúc có mưa rào. Cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Một số đối tượng sinh vật gây hại nhẹ.

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA

Trưởng thành vào bẫy đèn (con/đèn/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 0,65 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Tam Dương); Rầy nâu 1,8 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 8 con (Lập Thạch); Rầy lưng trắng 0,7 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 4 con (Lập Thạch); Rầy xanh đuôi đen 0,3 con (tương đương hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Sông Lô); Sâu cuốn lá nhỏ 1,02 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 5 con (Sông Lô).

1. Trên cây lúa

- Sâu đục thân 2 chấm lúa 4 (tuổi 2, 3, 4) gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại, bông bạc phổ biến 0,3 - 0,6%, cao 2 - 3%, cục bộ 5% (Yên Lạc)

- Rầy nâu (tuổi 1, 2, trưởng thành) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 70 - 120 con/m², cao 300 - 400 con/m², cục bộ 700 con/m² (Vĩnh Tường).

- Bệnh khô vằn gây hại rải rác tỷ lệ danh hại phổ biến 3 - 7%, cao từ 20 - 30%, cục bộ >50% (Bình Xuyên, Phúc Yên).

- Bệnh bạc lá gây hại rải rác, tỷ lệ lá hại phổ biến 1 - 3%, cao 10 - 20%, cục bộ > 40% (Yên Lạc).

- Đốm sọc vi khuẩn gây hại rải rác tỷ lệ lá hại phổ biến 0,5 - 1%, cao 8 - 10% (Vĩnh Tường).

Ngoài ra bọ xít dài, chuột, sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác.

2. Cây rau, màu

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu hại nhẹ, mật độ phổ biến 0,5 - 1 con/m², cao 2 - 4 con/m², cục bộ 6 con/m² (Yên Lạc).

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bọ nhảy gây hại rải rác, mật độ phổ biến 1 - 2 con/m², cao 5 - 10 con/m² (Phúc Yên).

- Trên cây dưa chuột: bệnh sương mai gây hại rải rác, tỷ lệ lá hại phổ biến 2 - 3 %, cao 6 - 8%; bệnh héo xanh gây hại cục bộ, tỷ lệ cây hại phổ biến từ 0,1 - 1,5%.

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bọ xít, bệnh sương mai, bệnh thán thư gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại nhẹ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại nhẹ.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 08/9 - 15/9/2021

1. Cây lúa

Sâu đục thân, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, rầy hại rải rác cuối vụ.

2. Cây rau, màu

- Trên cây cà chua, dưa chuột: Bệnh héo xanh, sương mai, giả sương mai, phấn trắng phát sinh gây hại rải rác.

- Trên rau thập tự: Bọ nhảy, sâu khoang, sâu xanh, sâu tơ tiếp tục gây hại nhẹ (Phúc Yên).

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu hại cục bộ (Vĩnh Tường).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bọ xít, bệnh sương mai, bệnh thán thư gây hại nhẹ

- Cây xoài: Bệnh thán thư hại nhẹ.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

1. Đề nghị các huyện, thành phố tiếp tục tiếp tục theo dõi sâu bệnh hại cuối vụ để chỉ đạo phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

2. Tranh thủ trời nắng ráo, khẩn trương thu hoạch nốt những cây trồng đã

chín, nhất là lúa với phương châm "xanh nhà hơn già đồng". Thực hiện vệ sinh đồng ruộng, áp dụng biện pháp làm bầu và làm đất tối thiểu để tranh thủ thời vụ gieo trồng cây vụ Đông sớm, nhất là những cây ưa ẩm.

3. Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân tích cực áp dụng các biện pháp IPM, SRI, VietGAP để cây trồng sinh trưởng, phát triển khỏe, chống chịu tốt với các điều kiện ngoại cảnh bất thuận và sinh vật gây hại, đây là tiền đề cho năng suất cao.

4. Thực hiện thường xuyên các biện pháp thủ công: Ngắt ổ trứng sâu keo mùa thu, bẫy bắt chuột khi chúng có mật độ thấp để hạn chế lây lan ra diện rộng. Chỉ phun phòng trừ các sinh vật gây hại khi có mật độ, tỷ lệ hại đến ngưỡng phòng trừ bằng thuốc đặc hiệu như: Sâu keo mùa thu trên ngô dùng: Bitadin WP, Angun 5WG, Emaben 3,6WG, Proclaim® 5WG, Lufen extra 100EC,...

5. Thực hiện tốt công tác quản lý việc buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV; công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 01/9 - 07/9/2021), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Anh Tuấn

BẢNG THỐNG KÊ
DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG
(Từ ngày 01/9/21 đến ngày 07/9/2021)

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại				Diện tích nhiễm (ha)					DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr			
Cây lúa	Chắc xanh - chín - thu hoạch	Sâu đục thân 2 chấu	%BB	3,2	7	11	49	43	5	1		-159	34	Rải rác
		Bệnh khô vằn	%DH	12,9	30	50,7	1.114	824	220	70		-81	715	Rộng
		Đóm sọc VK	%LH	10			3	3				-2	3	Cục bộ
		Bạc lá	%LH	16,4	42		18,2	13,2	5			+13,4	13,2	Rải rác
Cây Ngô	Cây con	Sâu keo mùa thu	Con/m ²	3	6		9	7	2			+4	9	Cục bộ
Tổng DT nhiễm SB							1.193,2	890,2	232	71			774,2	

Ghi chú:GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dảnh hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

Cán bộ tổng hợp: `KS.Triệu Thị Ngọc Duyên.